

Số: 389 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nội vụ đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 672/QĐ-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 228/TTr-SNV ngày 09 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nội vụ đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần, cụ thể:

1. Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 68 thủ tục.

2. Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần: 20 thủ tục.

(Phụ lục Danh mục TTHC đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai Danh mục thủ tục hành chính tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; tổ chức tiếp nhận, xử lý hồ sơ dịch vụ công trực tuyến *(toàn trình, một phần)* trên môi trường điện tử theo quy định; đồng thời, tiếp tục rà soát, thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu số hóa, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát cấu hình hệ thống đảm bảo việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến *(toàn trình, một phần)* được thông suốt, hiệu quả; thực hiện tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Sở Nội vụ thực hiện nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, cung cấp mã số hồ sơ kiểm thử để Sở Khoa học và Công nghệ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trường Sơn



Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN
THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Số lượng TTHC	Ghi chú
I	Lĩnh vực Người có công		09 TTHC	
	TTHC thực hiện ở cấp tỉnh		07 TTHC	
1	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý		
2	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ		
3	1.010826	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công		
4	1.010828	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng		
5	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		
6	1.010830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		
7	2.002308	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp		
	TTHC thực hiện ở cấp xã		02 TTHC	
8	1.013750	Thăm viếng mộ liệt sĩ		
9	1.010833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công		
II	Lĩnh vực Quản lý nhà nước về Hội, Quỹ		15 TTHC	
	TTHC thực hiện ở cấp tỉnh		15 TTHC	
1	1.012927	Công nhận ban vận động thành lập hội		
2	1.012929	Thành lập hội		
3	1.012942	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội		
4	1.012943	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội		

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Số lượng TTHC	Ghi chú
5	1.012945	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội		
6	1.012946	Hội tự giải thể		
7	1.012947	Cho phép hội đặt văn phòng đại diện		
8	1.012948	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn		
9	1.013017	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ Quỹ		
10	1.013018	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung hội đồng quản lý quỹ		
11	1.013019	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ		
12	1.013020	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.		
13	1.013021	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động		
14	1.013022	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ		
15	1.013023	Quỹ tự giải thể		
III	Lĩnh vực Công tác Thanh niên		03 TTHC	
	TTHC thực hiện ở cấp Tỉnh		03 TTHC	
1	2.001717	Thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh		
2	1.003999	Giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh		
3	2.001683	Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh		
IV	Lĩnh vực Lao động, Tiền lương và Bảo hiểm xã hội		08 TTHC	
	TTHC thực hiện ở cấp Tỉnh		08 TTHC	
1	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp		
2	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động		
3	1.000436	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		
4	1.000448	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		
5	1.000464	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		
6	1.000479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		
7	1.009466	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể		
8	1.009467	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.		
V	Lĩnh vực An toàn lao động		08 TTHC	
	TTHC thực hiện ở cấp tỉnh		02 TTHC	
1	1.005449	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp		

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Số lượng TTHC	Ghi chú
		Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)		
2	1.005450	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)		
VI Lĩnh vực Việc làm			24 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp Tỉnh			24 TTHC	
1	2.000888	Tham gia bảo hiểm thất nghiệp		
2	1.001978	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp		
3	1.001973	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp		
4	1.001966	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp		
5	2.001953	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp		
6	2.000178	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)		
7	1.000401	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)		
8	1.000362	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng		
9	1.001865	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
10	1.001853	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
11	1.001823	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
12	1.000105	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài		
13	2.000219	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu		
14	1.000459	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện <u>cấp giấy phép lao động</u>		
15	2.000205	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam		

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Số lượng TTHC	Ghi chú
16	2.000192	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam		
17	1.009874	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
18	1.009873	Thu hồi Giấy pháp hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
19	1.009811	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam		
20	1.013718	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)		
21	1.013719	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)		
22	1.013720	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)		
23	1.013721	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)		
24	1.013722	Gia hạn cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)		
VII Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước			07 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			06 TTHC	
1	1.013727	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên		
2	1.013728	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài		
3	1.013729	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài		
4	1.013731	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài		
5	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày		
6	1.013733	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		
TTHC thực hiện ở cấp xã			01 TTHC	
7	1.013734	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết		

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Số lượng TTHC	Ghi chú
TỔNG			68 TTHC	

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN
THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN**

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Số lượng TTHC	Ghi chú
I	Lĩnh vực Người có công		19 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			19 TTHC	
1	1.001257	Thủ tục giải quyết một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		Theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công và Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ việc thực hiện các thủ tục nêu trên ; đồng thời, khi thực hiện các thủ tục di chuyển chế độ (tiếp nhận đến và chuyển đi) cần phải có hồ sơ gốc để di chuyển trong đó các giấy tờ chế độ liên quan đến đối tượng phải là bản giấy có mộc đỏ theo quy định. Vì vậy việc cung cấp, thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với những thủ tục còn lại của lĩnh vực người có công sẽ không
2	1.004964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a		
3	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ		
4	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác		
5	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		
6	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”		
7	1.010808	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh		
8	1.010809	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động		
9	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		
10	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		
11	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ		

		quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày		đảm bảo hồ sơ theo quy định.
12	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế		
13	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng		
14	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		
15	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần		
16	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ		
17	1.010827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú		
18	2.001157	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		
19	2.002307	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh		
II	Lĩnh vực An toàn lao động		01 TTHC	
TTHC thực hiện ở cấp tỉnh			01 TTHC	
20	2.000111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp		Do chưa có trực liên thông với cơ quan BHXH nên chưa đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn trình
TỔNG			20 TTHC	